

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



❖ Cục Công Thương địa phương

❖ Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Số 13 năm 2019

Kỳ 1 tháng 7 năm 2019

MỤC LỤC

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA	3-7
Thị trường nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 29/6/2019 đến 15/7/2019	
Nỗ lực đẩy mạnh việc khắc phục Thẻ vàng IUU của EC đối với ngành thủy sản Việt Nam	
THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU	8-18
Cần tận dụng hiệu quả cơ hội từ CPTPP và EVFTA trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản Việt Nam đứng thứ 8 về cung cấp thực phẩm cho Australia	
Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang Tây Ban Nha – cơ hội từ EVFTA	
XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	19-23
Điện Biên xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp	
Hành tím Vĩnh Châu được cấp chỉ dẫn địa lý	
Doanh thu từ vải thiều Lục Ngạn năm 2019 cao kỷ lục	
Mời tham dự Đoàn giao dịch thương mại tại Singapore và Malaysia	
CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ	24
Hiệp hội chăn nuôi Đồng Nai kiến nghị giãn nợ cho hộ chăn nuôi lợn	
Khởi công Nhà máy chế biến nông sản hữu cơ đầu tiên tại Quảng Trị	
THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI	25-27
Tiềm năng xuất khẩu hàng rau, củ, quả vào Trung Quốc vẫn rất lớn	
TIN VĂN	28

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ: Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm – Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

Giấy phép xuất bản số 55/GP- XBBT

Trong lĩnh vực xuất khẩu, tổng kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng chủ lực thuộc nhóm nông, lâm, thủy sản trong 6 tháng đầu năm 2019 đạt 17,12 tỷ USD, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong 6 tháng qua, Mỹ và Nhật Bản là 2 thị trường đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất về kim ngạch xuất khẩu trong nhóm các thị trường chủ lực nhờ một số mặt hàng được hưởng lợi từ xung đột thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc và tác động tích cực từ Hiệp định CPTPP bởi đây là Hiệp định đầu tiên Nhật Bản cam kết xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu cho phần lớn các mặt hàng nông, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam. Trong khi đó, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang hầu hết các thị trường còn lại trong CPTPP đều giảm và chưa tận dụng được cơ hội như kỳ vọng.

Tại thị trường trong nước, từ ngày 29/6 đến ngày 15/7/2019, giá gạo và cà phê tăng nhẹ trong khi giá nhiều mặt hàng nông, thủy sản khác lại sụt giảm so với kỳ trước.

Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, giá lúa gạo tăng nhẹ từ 200–250đ/kg so với kỳ trước, đạt 4.000 đ/kg đối với giá lúa tươi IR 504; gạo nguyên liệu IR 504 ở mức 6.000 đ/kg; cám vàng đạt 5.500 đ/kg. Trong khi đó, giá chào bán gạo của Việt Nam vẫn ở mức thấp khi dao động từ 335 – 340 USD/tấn do nguồn cung gia tăng từ vụ Hè - Thu đang được thu hoạch. Như vậy, giá gạo của Việt Nam đang thấp



hơn 37 USD/tấn so với gạo Ấn Độ và thấp hơn 64 USD/tấn so với giá gạo cùng loại của Thái Lan, điều này trái ngược hẳn so với năm 2018 khi giá gạo của Việt Nam luôn duy trì cao hơn so với mặt bằng chung của các nhà cung cấp trong khu vực. Tuy nhiên, với mức giá cạnh tranh như hiện nay, gạo Việt Nam được đánh giá là sẽ thu hút được sự quan tâm từ các nhà nhập khẩu, đặc biệt là các nhà nhập khẩu châu Phi.

Thị trường cá tra vẫn chưa thoát khỏi tình trạng khó khăn. Tại An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ giá cá tra sụt giảm nhiều ngày qua. Hiện tại, các nhà máy thu mua cá tra chỉ còn khoảng 19.000- 20.000 đ/kg, thấp nhất trong khoảng 10 năm qua; với mức giá này người nuôi thua lỗ từ 3.000 - 5.000 đ/kg. Giá giảm trong khi sức tiêu thụ chậm, dễ dẫn đến nguy cơ thừa nguyên liệu, tồn kho ngày càng tăng và tình hình trở nên khó khăn hơn.

Một số thông tin đáng chú ý:

- ➔ Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), năm 2018, Australia đã nhập khẩu 13,2 tỷ USD thực phẩm từ thế giới, tăng 2,9% so với năm 2018. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 8 về cung cấp thực phẩm cho Australia với kim ngạch đạt 458,8 triệu USD, tăng so với mức 440,35 triệu USD của năm 2017.
- ➔ Với doanh thu hơn 3.000 tỉ đồng, niên vụ vải thiều năm 2019 của huyện Lục Ngạn (Bắc Giang) phá vỡ mốc kỷ lục của nhiều năm trước đây. Sản lượng vải ổn định hơn 90.000 tấn; giá cao kỷ lục từ 30.000 – 55.000 đồng/kg, có lúc lên đến 80.000 đồng/kg, người trồng vải thiều ở huyện Lục Ngạn nói riêng, tỉnh Bắc Giang nói chung đón nhận một năm “được mùa được giá”.

**THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN
TRONG KỲ TỪ NGÀY 29/6/2019 ĐẾN 15/7/2019**



Trong kỳ từ ngày 29/6 đến ngày 15/7/2019, ngoại trừ giá gạo và cà phê tăng nhẹ thì giá nhiều mặt hàng nông, thủy sản khác có sự sụt giảm so với kỳ trước.

+ Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), giá lúa gạo tăng nhẹ từ 200 – 250 đ/kg so với kỳ trước. Theo đó, giá lúa tươi IR 504 hiện ở mức 4.000 đ/kg, tăng 200 đ/kg so với cuối tháng 6/2019; gạo nguyên liệu IR 504 tăng 250 đ/kg, lên mức 6.000 đ/kg.

Trong khi đó, giá chào bán gạo của Việt Nam vẫn ở mức thấp khi dao động từ 335 – 340 USD/tấn do nguồn cung gia tăng từ vụ Hè - Thu đang được thu hoạch. Như vậy, giá gạo của Việt Nam đang thấp hơn 37 USD/tấn so với gạo Ấn Độ và thấp hơn tới 64 USD/tấn so với giá gạo cùng loại của Thái Lan, điều này trái ngược hẳn so với năm 2018 khi giá gạo của Việt Nam luôn duy trì cao hơn so với mặt bằng chung của các nhà cung cấp trong khu vực. Tuy nhiên, với mức giá cạnh tranh như hiện nay, gạo Việt Nam được đánh giá là sẽ thu hút được sự quan tâm từ các nhà nhập khẩu, đặc biệt là các nhà nhập khẩu châu Phi.

+ Từ ngày 29/6 đến 15/7/2019, giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục tăng nhẹ 300 đ/kg, đạt 34.000 đ/kg. Hoạt động giao dịch tại các vùng nguyên liệu được dự kiến sẽ trầm lắng cho tới vụ thu hoạch mới bắt đầu từ tháng 10/2019. Quả cà phê vụ mới đang phát triển tốt với lượng mưa vừa đủ. Bộ Nông nghiệp Mỹ dự báo sản lượng cà phê của Việt Nam niên vụ 2019/20 tăng thêm 100.000 bao so với niên vụ 2018/19 với mức kỉ lục 30,5 triệu bao.

+ Thị trường hạt tiêu giảm giá trở lại sau hơn một tháng tăng. Trong kỳ vừa qua, giá hạt tiêu tại các tỉnh Tây Nguyên đã giảm 1.000 đ/kg so với cuối tháng 6/2019, xuống còn 46.000 đ/kg. Theo Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam, nguồn cung hạt tiêu trên toàn thế giới hiện đã vượt xa so với nhu cầu. Trong những năm tới, sản lượng hạt tiêu sẽ tiếp tục tăng mạnh, nhiều nước sản xuất hạt tiêu trên thế giới đều có mức tồn kho đáng kể. Do đó, triển vọng thị trường hạt tiêu nhìn chung khá bấp bênh trong thời gian tới.

+ Giá cao su tiếp tục sụt giảm trong kỳ từ ngày 29/6 đến 15/7/2019 do lo ngại kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại kéo theo sự sụt giảm đối với nhu cầu cao su của nước tiêu thụ lớn nhất thế giới này.

Theo đó, trong kỳ vừa qua giá mủ cao su trong nước đã giảm từ 8,5% - 10%, dao động ở mức 26.500 đ/kg đối với mủ cao su nước tại vườn và 27.000 đ/kg đối với mủ cao su tại nhà máy.

+ Sau khi tăng khá mạnh trong tháng 6/2019, giá ngô trong những ngày đầu tháng 7/2019 đã giảm từ 1,8% - 2,6%, dao động từ 5.600 – 5.650 đ/kg.

+ Thị trường cá tra tại ĐBSCL vẫn chưa thoát khỏi tình trạng ảm đạm. Tại An Giang, Đồng Tháp và Cần Thơ giá cá tra sụt giảm nhiều ngày qua. Hiện tại, các nhà máy thu mua cá tra chỉ còn khoảng 19.000-20.500 đ/kg, thấp nhất trong khoảng 10 năm qua; với mức giá này người nuôi thua lỗ từ 3.000 - 5.000 đ/kg.

Nguyên nhân khiến giá cá tra giảm được nhận định là do sản lượng tăng cao trong khi thị trường xuất khẩu gần đây gặp

khó khăn, đặc biệt là thị trường Trung Quốc và thị trường Mỹ giảm liên tục từ đầu năm 2019 đến nay và rào cản kỹ thuật ở một số nước gây khó khăn cho thị trường cá tra...

Giá giảm trong khi sức tiêu thụ chậm, dễ dẫn đến nguy cơ thừa nguyên liệu, tồn kho ngày càng tăng và tình hình trở nên khó khăn hơn.

Để khắc phục tình trạng trên, các địa phương cần nhanh chóng thông kê diện tích nuôi và sản lượng cá, nhất là cá tới lứa và quá lứa thu hoạch để có giải pháp hỗ trợ tiêu thụ. Các bộ, ngành chức năng, hiệp hội, doanh nghiệp... đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ, nhất là tìm cách khôi phục lại 2 thị trường lớn là Trung Quốc và Mỹ càng sớm càng tốt. Mặt khác, nghiên cứu chính sách tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường mua cá trong dân nhằm hạn chế tình trạng cá quá lứa, giảm thiểu thiệt hại...

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 15/7/2019

Tên hàng	Ngày 15/7/2019 (đ/kg)	So với ngày 28/6/2019 (%)	So với cuối năm 2018 (%)	So với cùng kỳ năm 2018 (%)
Lúa tươi IR 504	4.000	5,3	-21,6	-21,6
Gạo NL IR 504	6.000	4,3	-17,2	-15,5
Gạo thành phẩm IR 504	6.850	0,7	-16,0	-19,4
Tấm gạo IR 504	5.600	0,0	-29,1	-26,3
Cám	5.500	4,8	0,0	10,0
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	34.000	0,9	1,8	-4,0
Giá nhân điều khô tại Bình Phước	34.500	0,0	-4,2	-21,6
Giá điều chế thu hồi nhân dưới 30% tại Đắk Lắk	44.000	0,0		
Giá điều chế thu hồi nhân trên 30% tại Đắk Lắk	48.000	0,0		
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	46.000	-2,1	-13,2	-13,2
Ngô hạt khô miền trung Tây Nguyên	5.650	-2,6	16,5	
Ngô hạt khô miền Bắc	5.600	-1,8	17,9	
Sắn lát trừ độ bột 30% tại Tây Nguyên	2.700	0,0	-3,6	
Sắn lát khô Quy Nhơn	5.400	0,0	-7,7	
Mủ chén, dây khô	10.700	-8,5	24,4	4,9
Mủ chén ướt	7.400	-8,6	23,3	4,2
Mủ đông khô	9.700	-8,5	24,4	5,4
Mủ đông ướt	7.800	-8,2	23,8	4,0
Mủ cao su nước tại vườn	26.500	-10,2	12,8	
Mủ cao su nước tại nhà máy	27.000	-10,0	12,5	
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	20.500	-4,7	-35,9	-35,9
Tôm càng xanh (100 con/kg) Đồng Tháp	250.000	-7,4	-3,8	-13,8

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp)

NỖ LỰC ĐẨY MẠNH VIỆC KHẮC PHỤC THẺ VÀNG IUU CỦA EC ĐỐI VỚI NGÀNH THỦY SẢN VIỆT NAM

Trong 6 tháng đầu năm 2019, ngành thủy sản vẫn là điểm sáng của khu vực nông nghiệp khi tăng trưởng 6,45% - đánh dấu mức tăng mạnh nhất cùng kỳ trong 9 năm gần đây với sản lượng nuôi trồng và khai thác đều tăng trưởng khá do nhu cầu thị trường tiêu thụ tăng cao. Tổng sản lượng thủy sản trong 6 tháng qua ước tính đạt 3,79 triệu tấn, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2018, giá trị sản xuất của thủy sản tăng 6,5%. Trong đó sản lượng khai thác đạt 1,88 triệu tấn, tăng 5,4%; sản lượng nuôi trồng đạt 1,92 triệu tấn, tăng 7,0%. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản ước đạt 4 tỷ USD, bằng 100,7% so với cùng kỳ năm 2018.

Đáng chú ý, trong 6 tháng qua, Tổng cục Thủy sản đã tích cực triển khai áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt và kiểm soát an toàn thực phẩm. Đến nay, đã có 5.174 ha diện tích nuôi được cấp Giấy chứng nhận GAP; trong đó diện tích nuôi cá tra áp dụng VietGAP là 1.847 ha, tôm chân trắng 1.432 ha, áp dụng GAP khác (GlobalGAP, ASC, BAP) là 1.894 ha.

Trong năm 2019, ngành thủy sản đã đặt ra một số mục tiêu chính là: Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 4,69%; kim ngạch xuất khẩu đạt 10,5 tỷ USD. Tuy nhiên toàn ngành đang đứng trước các thách thức về triển khai Luật Thủy sản, duy trì đà tăng trưởng và đặc biệt là nỗ lực gỡ “thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu (EC).

Theo đó, kể từ ngày 23/10/2017, lệnh rút “thẻ vàng” của EC bắt đầu có hiệu lực đối với những mặt hàng đánh bắt trên biển của thủy sản Việt Nam. Nguyên nhân chính của quyết định này là do qua kiểm tra, đánh giá từ phía Liên minh châu Âu (EU), nhiều mặt hàng không xác minh được nguồn gốc; việc khai thác thủy sản bừa bãi, không tuân thủ các quy định về đánh bắt trên biển.

Thực tế, việc bị áp dụng “thẻ vàng” là trở ngại lớn cho xuất khẩu thủy sản trong bối cảnh Việt Nam đang đứng thứ tư thế giới về xuất khẩu thủy sản, 100% lô hàng



hải sản Việt Nam vào thị trường EU trong thời gian qua đã bị giữ lại để kiểm tra nguồn gốc khai thác. Điều này ảnh hưởng không tốt trong hoạt động xuất khẩu bởi phát sinh thêm chi phí do thời gian kiểm tra kéo dài cùng nguy cơ rủi ro của doanh nghiệp khá lớn.

Theo thống kê, mỗi năm xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU chiếm khoảng 15-16% tổng xuất khẩu thủy hải sản của cả nước. Tuy nhiên, từ khi bị áp dụng “thẻ vàng”, xuất khẩu mặt hàng thủy sản sang EU đã giảm đáng kể. Riêng trong 5 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu mặt hàng này sang EU giảm 12% so với cùng kỳ năm trước xuống 489,8 triệu USD, chỉ chiếm 12,5% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước.

Sau gần 2 năm kể từ khi bị EC áp dụng thẻ vàng IUU cảnh cáo, Chính phủ đã cùng các bộ, ngành và địa phương nỗ lực triển khai nhiều biện pháp nhằm đẩy mạnh việc chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, gỡ “thẻ vàng” cho thủy sản Việt Nam, đề ra các giải pháp để khắc phục khuyến nghị của EC, thu về nhiều kết quả đáng kể. Tuy nhiên, đến thời điểm này, nhiều vấn đề được EC khuyến nghị vẫn chưa khắc phục xong và vẫn còn không ít khó khăn, vướng mắc để Việt Nam có thể được EC gỡ bỏ “thẻ vàng”. Cụ thể như sau:

- Thứ nhất, việc hạ tầng neo đậu tránh trú bão chưa đáp ứng yêu cầu; việc nâng cấp cảng cá, hậu cần nghề cá chưa được quan tâm; việc xác nhận của các lực lượng chức năng đối với các tàu cá ra khơi đánh bắt chưa chặt chẽ, còn bị coi nhẹ; ghi chép báo cáo về hoạt động, địa điểm khai thác mới đạt 21,2%...

- Thứ hai, hoạt động kiểm soát tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài là điều kiện tiên quyết để gỡ “thẻ vàng” hoặc nguy cơ cao bị “thẻ đỏ” trong đợt kiểm tra sắp tới của Đoàn thanh tra EC tại Việt Nam. Tuy nhiên, từ thời điểm EC cảnh báo “thẻ vàng” cho đến nay chưa chấm dứt tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài. Thống kê của Tổng cục Thủy sản cho thấy, trong năm 2018 xảy ra 85 vụ ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài, tăng so với năm 2017. Riêng trong 5 tháng đầu năm 2019 có tới 41 vụ/69 tàu/271 ngư dân vi phạm khai thác hải sản trái phép tại vùng biển nước ngoài.

- Thứ ba, việc triển khai hệ thống theo dõi, giám sát và kiểm soát tàu cá hoạt động trên biển cho 31.500 tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên cũng là nội dung quan trọng để gỡ thẻ. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa triển khai kịp theo tiến độ đề ra tại Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ, đặc biệt là không thực hiện đúng cam kết với EC do chưa được bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện.

- Thứ tư, hồ sơ xác nhận nguồn gốc thủy sản chưa đáp ứng được yêu cầu về truy xuất nguồn gốc theo hệ thống (không truy xuất được dữ liệu tàu cá cập cảng và sản lượng bốc dỡ qua cảng cá; không truy xuất được nguồn gốc thủy sản từ tàu cá khai thác khi bán cho tàu chuyên tải...). Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin tàu cá, giám sát hành trình, sản lượng qua cảng... phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc chưa kết nối đồng bộ. Việc ghi, nộp nhật ký khai thác thủy sản của thuyền trưởng tàu cá thực hiện chưa nghiêm túc, thông tin ghi trong nhật ký chưa đầy đủ, không chính xác.

- Thứ năm, nhiều địa phương chưa xác

định nhiệm vụ chống khai thác IUU là cấp bách, quan trọng để tập trung chỉ đạo, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai các giải pháp chống khai thác IUU theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, việc bố trí nguồn lực (nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất) còn rất hạn chế; năng lực nhiều cán bộ chưa đáp ứng với nhiệm vụ được giao; chưa nghiêm túc kiểm điểm, xử lý kỷ luật trách nhiệm người đứng đầu chính quyền các cấp, các ngành, lực lượng chức năng tại địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ khi tiếp tục để tàu cá vi phạm khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài.



Dự kiến trong tháng 10/2019, phái đoàn của EC sẽ tiếp tục sang Việt Nam kiểm tra lại việc cải thiện xóa bỏ thẻ vàng, trong khi hiện chúng ta mới làm tốt và hoàn thiện được khung pháp luật, pháp lý, còn khâu quản lý giám sát tàu cá, truy xuất, chứng nhận nguồn gốc hải sản nếu không làm tốt thì chúng ta phải đối diện với những nguy cơ cao hơn cả thẻ vàng. Nếu không giải quyết được các vấn đề về khai thác IUU, Việt Nam có thể sẽ bị áp dụng “thẻ đỏ”, tất cả sản phẩm thủy sản từ khai thác của Việt Nam sẽ bị cấm xuất khẩu vào EU. Khi đó, thị trường khác cũng có thể sẽ áp dụng biện pháp tương tự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành thủy sản, tiêu cực đến nền kinh tế cũng như đời sống người dân.

Trước diễn biến này, đề kiên quyết hơn trong xử lý vi phạm, ngày 20/5/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 596/QĐ-TTg thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, nhằm tăng cường khắc phục “thẻ vàng” của EC.

Ngoài ra, để thực hiện kế hoạch hành động Quốc gia về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), khắc phục Thẻ vàng IUU của Ủy ban châu Âu đối với Việt Nam và hướng tới xây dựng Nghề cá bền vững, vừa qua, VASEP đã đưa ra bộ nguyên tắc tuyên truyền đến ngư dân để thực hiện Luật Thủy sản 2017. Theo đó, mỗi chủ tàu cá và ngư dân ra khơi cần ghi nhớ những quy định tối thiểu sau:

1. Phải có giấy phép khai thác thủy sản;
2. Treo cờ Việt Nam khi hoạt động;
3. Không sử dụng nghề, ngư cụ khai thác bị cấm;
4. Không vi phạm về khai thác bất hợp pháp (IUU);

5. Tham gia cứu hộ, bảo vệ chủ quyền, an ninh trên biển

6. Tàu từ 12m trở lên phải ghi nhật ký khai thác và nộp theo quy định;

7. Tàu từ 15m trở lên: phải lắp thiết bị giám sát hành trình theo quy định; thiết bị hoạt động liên tục 24/24 sau khi rời cảng:

Cụ thể, phải kết nối với Hệ thống Giám sát tàu cá tại Trung ương và 28 tỉnh ven biển; Thiết bị tự động truyền qua hệ thống vệ tinh tối thiểu 2 giờ/lần (đối với tàu 24m trở lên); và 3 giờ/lần với các tàu 15-24m qua vệ tinh, thông tin di động GSM hoặc thông tin mặt đất. Dữ liệu giám sát tàu cá được sử dụng làm căn cứ xử phạt, xử lý tranh chấp trên biển, nên thiết bị phải lưu trữ được số lượng vị trí tối thiểu theo chuyến biển để hỗ trợ giải quyết.

8. Phải thông báo cho cảng cá ít nhất 1 giờ trước khi cập cảng;

9. Tàu cá khai thác ngoài vùng biển Việt Nam phải có mã số của Tổ chức Hàng hải quốc tế và có văn bản chấp thuận hoặc giấy phép của Tổng cục Thủy sản.



CẦN TẬN DỤNG HIỆU QUẢ CƠ HỘI TỪ CPTPP VÀ EVFTA TRONG XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN



Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam trong tháng 6/2019 đạt 2,9 tỷ USD, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong nửa đầu năm 2019 lên 17,12 tỷ USD, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, gạo, cà phê, sắn và các sản phẩm từ sắn là 3 mặt hàng giảm mạnh nhất, lần lượt giảm 21,7%; 18% và 14,9% về kim ngạch xuất khẩu.

Xét về thị trường xuất khẩu, mặc dù giảm tới 9,3% so với cùng kỳ năm trước nhưng Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 3,8 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2019, chiếm 22,4% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này. Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu sang Trung Quốc giảm trong 6 tháng qua là do Trung Quốc thắt chặt nhập khẩu qua đường tiểu ngạch để chuyển sang nhập khẩu chính ngạch, bên cạnh đó, những yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm cũng như truy xuất nguồn gốc thực phẩm từ phía Trung Quốc khiến hàng hóa của Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi xuất khẩu sang thị trường này.

Trong khi đó, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Mỹ trong 6 tháng đầu

năm 2019 ghi nhận tốc độ tăng trưởng khá, tăng 10,06% so với cùng kỳ năm 2018 lên 3,7 tỷ USD, chiếm 21,6% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu và củng cố vị trí thứ 2 của Mỹ trong danh sách thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản. Trong thời gian qua, hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu nông, lâm, thủy sản nói riêng sang thị trường Mỹ ghi nhận diễn biến rất tích cực nhờ nhiều mặt hàng được hưởng lợi từ căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ là mặt hàng xuất khẩu lớn sang Mỹ, và đây cũng là mặt hàng đạt tốc độ tăng trưởng mạnh nhất.

Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Mỹ trong nửa đầu năm 2019 đạt 1,7 tỷ USD, tăng 32,2% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tới 51% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường này. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc đang có tác động tích cực tới kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong bối cảnh các doanh nghiệp Mỹ đang tìm kiếm nguồn cung hàng hóa từ những nước không bị ảnh hưởng bởi việc tăng thuế nhập khẩu vào Mỹ, trong đó có Việt Nam. Ngoài ra, xuất khẩu rau quả vào Mỹ cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực

mặc dù nhìn chung kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Mỹ vẫn còn khá hạn chế so với tiềm năng. Tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong 6 tháng qua đạt gần 62 triệu USD, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2019, các doanh nghiệp Việt Nam đã chính thức xuất khẩu quả xoài tươi sang Mỹ (sau thanh long, chôm chôm, nhãn, vải, vú sữa). Hai bên đang tiếp tục đàm phán để Mỹ mở cửa thêm cho quả bưởi từ Việt Nam.

Cùng với Mỹ, xuất khẩu sang Nhật Bản cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng khá trong 6 tháng đầu năm 2019. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường này đạt 1,49 tỷ USD, tăng 10,86% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 8,7% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này. Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản tăng mạnh thời gian qua là nhờ Hiệp định CPTPP bởi đây là lần đầu tiên Nhật Bản cam kết xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu cho hầu hết các mặt hàng nông, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam. Cụ thể, theo điều khoản trong CPTPP, Nhật Bản cam kết xóa bỏ thuế ngay đối với 86% số dòng thuế, tương đương 93,6% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản và gần 90% số dòng thuế sau 5 năm. Ngoài ra, với hai hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam - Nhật Bản và ASEAN - Nhật Bản, một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang Nhật cũng được xóa bỏ rào cản thuế quan theo lộ trình.

Trong 6 tháng qua, các mặt hàng xuất khẩu sang Nhật Bản tăng mạnh là thủy sản, rau quả, gỗ và sản phẩm gỗ. Trong đó, xuất khẩu thủy sản đạt kim ngạch cao nhất với 680 triệu USD, tăng gần 11% so với cùng kỳ năm trước, rau quả tăng 27% lên 60,5 triệu USD; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 20% lên 632 triệu USD.

Trong khi đó, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang hầu hết các thị trường còn lại trong CPTPP đều giảm và chưa tận dụng được cơ hội như kỳ vọng, ngoại trừ xuất khẩu sang Brunei tăng 243% lên 3,2 triệu USD. Tính chung, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang các

thị trường CPTPP trong 6 tháng đầu năm 2019 đạt 2,57 tỷ USD, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, riêng xuất khẩu sang Nhật Bản đã chiếm tới 57% tỷ trọng. Có nhiều nguyên nhân khiến xuất khẩu vào các thị trường CPTPP nhìn chung vẫn chưa có sự khởi sắc như kỳ vọng như thương mại toàn cầu giảm tốc, nhu cầu tiêu thụ giảm, tác động từ xung đột thương mại Mỹ - Trung Quốc đến đà tăng trưởng của các nền kinh tế. Một trong những nguyên nhân đến từ sự thiếu sẵn sàng trong việc nắm bắt cơ hội của Hiệp định từ phía các doanh nghiệp. Hiện vẫn còn nhiều doanh nghiệp đứng ngoài “cuộc chơi” CPTPP, không quan tâm cũng như chưa chuẩn bị đủ vững cho doanh nghiệp để nắm bắt cơ hội mở ra.

Vì vậy, doanh nghiệp cần phải thay đổi tư duy, lấy sức ép về cạnh tranh làm động lực đổi mới và phát triển. CPTPP chắc chắn sẽ mang lại cơ hội cho doanh nghiệp nào chủ động thích ứng với những thay đổi.



Cùng với CPTPP, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) được ký kết cuối tháng 6 vừa qua cũng được đánh giá là cơ hội lớn đối với nhóm nông sản Việt Nam như gạo, đường, thịt lợn, lâm sản, thịt gia súc, gia cầm do được hưởng ưu đãi ngay từ những năm đầu tiên. Ví dụ, EVFTA sẽ mang lại nhiều cơ hội cho xuất khẩu cá tra sang EU bởi 2 sản phẩm chủ lực là: Cá tra phile tươi, ướp lạnh (HS 030432) thuế sẽ giảm từ 9% xuống 0% sau 3 năm; cá tra phile đông lạnh (HS 030462) sẽ giảm từ 5,5% xuống còn 0% sau 3 năm EVFTA có hiệu lực. Sản phẩm cá tra đông lạnh (HS 030324) được xóa bỏ thuế trong vòng 3 năm từ mức 8% như hiện nay.



là thủy sản, cà phê, hạt điều, gỗ và sản phẩm gỗ. Với dung lượng thị trường lớn, tiềm năng đầy mạnh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang EU còn rất rộng mở.

Để khai thác được tối đa lợi ích mà Hiệp định EVFTA mang lại, các doanh nghiệp cần chủ động nghiên cứu thông tin để có sự chuẩn bị tích cực. Việc chuẩn bị nên được tiến hành toàn diện từ nghiên cứu cơ hội, thách thức của thị trường EU đến các giải pháp như

Trong 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sang EU đạt 2,2 tỷ USD, giảm 8,67% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 13% tỷ trọng trên tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này. Trong đó, các mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường khu vực này

nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm; phát huy lợi thế cạnh tranh, tăng hiệu suất... Đặc biệt, để tận dụng được ưu đãi từ Hiệp định này, các doanh nghiệp cần đảm bảo sản phẩm của mình đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ, về tiêu chuẩn kỹ thuật và về vệ sinh an toàn thực phẩm của EU.

Tham khảo thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong 6 tháng đầu năm 2019

Thị trường	Tháng 6/2019	So với tháng 6/2018	6 tháng/2019	So với 6T/2018	Tỷ trọng (%)
	(Nghìn USD)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	
Tổng	2.909.676	-4,51	17.119.850	-1,92	100,00
Trung Quốc	589.285	-11,30	3.832.163	-9,29	22,38
Mỹ	685.028	4,29	3.700.303	10,06	21,61
Thị trường CPTPP	455.724	5,68	2.574.124	3,44	15,04
<i>Nhật Bản</i>	265.935	12,19	1.487.184	10,86	8,69
<i>Malaysia</i>	66.898	3,26	408.278	-8,18	2,38
<i>Australia</i>	47.630	-5,62	261.322	-1,28	1,53
<i>Canada</i>	47.026	2,31	249.461	-2,22	1,46
<i>Singapore</i>	17.452	-15,13	107.312	-6,50	0,63
<i>New Zealand</i>	5.258	-18,75	30.604	-10,59	0,18
<i>Chilê</i>	4.051	-15,39	20.461	-15,38	0,12
<i>Pêru</i>	788	-17,37	6.281	-24,48	0,04
<i>Brunei</i>	687	306,67	3.222	243,14	0,02
EU	353.164	-14,18	2.223.069	-8,67	12,99
<i>Đức</i>	77.291	-5,41	480.962	-4,68	2,81
<i>Anh</i>	67.067	-9,14	398.278	-0,53	2,33
<i>Hà Lan</i>	62.365	-26,22	364.785	-24,60	2,13
<i>Italia</i>	39.654	-9,22	244.326	-8,70	1,43
<i>Tây Ban Nha</i>	28.009	-27,87	192.440	-6,85	1,12
<i>Pháp</i>	25.362	-18,32	185.183	-5,83	1,08

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Thị trường	Tháng 6/2019	So với tháng 6/2018	6 tháng/2019	So với 6T/2018	Tỷ trọng
	(Nghìn USD)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
Bỉ	22.714	-22,66	167.313	-7,34	0,98
Ba Lan	5.101	-10,61	43.657	0,25	0,26
Bồ Đào Nha	6.610	-9,73	41.189	-13,10	0,24
Đan Mạch	7.045	9,39	35.726	6,42	0,21
Hy Lạp	5.894	125,40	24.948	17,90	0,15
Thụy Điển	2.511	6,69	23.874	3,70	0,14
Rumani	1.081	-44,36	7.053	-27,25	0,04
Phần Lan	1.007	100,98	4.502	5,01	0,03
Cộng Hoà Séc	977	115,36	4.174	-12,62	0,02
Hunggary	407	-63,91	3.783	-38,04	0,02
Áo	69	-22,03	876	136,72	0,01
Hàn Quốc	157.275	-14,97	941.320	-4,96	5,50
Philippin	93.750	1,49	658.522	88,80	3,85
Thái Lan	41.536	-27,01	245.244	-13,30	1,43
Nga	33.062	-6,27	205.532	-6,69	1,20
Ấn Độ	36.410	29,95	179.371	-10,13	1,05
Đài Loan	35.455	23,17	174.109	9,41	1,02
Hồng Kông	31.595	27,50	155.944	11,77	0,91
Bờ Biển Ngà	23.922	94,77	111.147	67,40	0,65
Irắc	34.216	3.844,32	106.364	10,98	0,62
UAE	13.001	-31,71	96.708	-17,98	0,56
Gana	23.564	1,44	78.885	-11,32	0,46
Ixraen	13.982	-34,06	75.762	-17,33	0,44
Angiêri	11.973	-11,00	67.554	-22,87	0,39
Ai Cập	8.557	-32,35	61.097	-3,50	0,36
Pakixtan	10.389	-23,58	59.591	-14,78	0,35
Ả Rập Xê út	7.717	-2,80	53.956	-8,58	0,32
Indonesia	11.877	-75,20	51.106	-88,53	0,30
Lào	7.887	4,33	48.734	82,79	0,28
Braxin	5.722	-11,05	36.198	-18,46	0,21
Thổ Nhĩ Kỳ	4.843	-30,17	28.089	-27,30	0,16
Ukraina	4.249	15,62	25.206	6,05	0,15
Côlombia	4.767	36,28	23.330	-22,93	0,14
Campuchia	4.804	24,07	19.977	-10,11	0,12
Nam Phi	2.861	-0,19	16.633	-36,27	0,10
Thụy Sĩ	2.041	-51,75	16.623	-19,19	0,10
Mozambique	1.680	-68,61	11.576	-22,03	0,07
Côoét	1.587	-25,70	10.891	-8,03	0,06
Na Uy	1.659	-12,62	10.607	-21,93	0,06
Sri Lanka	2.624	-45,28	9.621	-50,43	0,06
Myanma	1.429	-31,93	7.718	-31,60	0,05
Xê-nê-gan	1.274	4,19	6.065	15,43	0,04
Bangladesh	940	9,24	5.557	12,86	0,03
Tanzania	1.341	35,65	4.770	-7,48	0,03
Angôla	218	-47,66	4.416	180,29	0,03
Panama	388	-7,44	3.261	-0,17	0,02
Achentina	315	24,62	1.010	-26,78	0,01

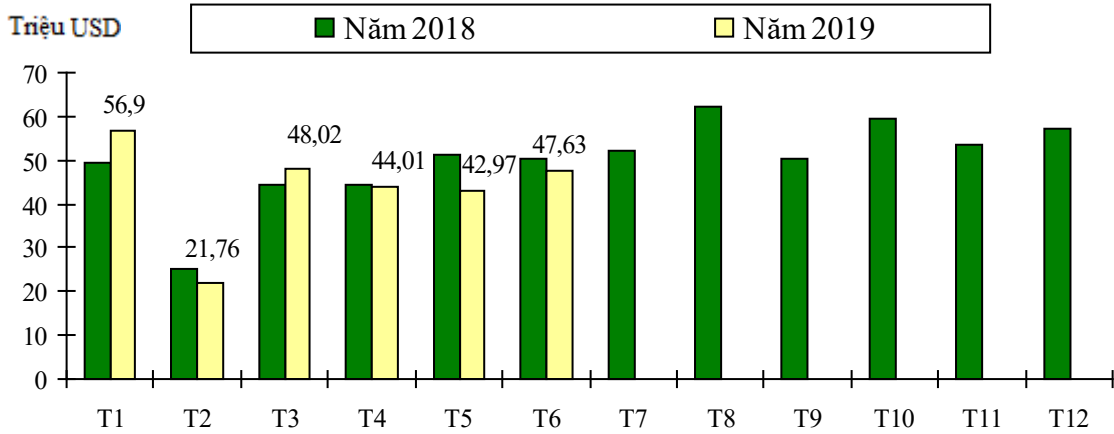
(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

VIỆT NAM ĐỨNG THỨ 8 VỀ CUNG CẤP THỰC PHẨM CHO AUSTRALIA

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia trong tháng 6/2019 đạt 47,63 triệu USD, tăng 10,8% so với tháng

5/2019 nhưng giảm 5,6% so với cùng kỳ năm 2018. Tính chung 6 tháng đầu năm 2019, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường Australia đạt 261,32 triệu USD, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm 2018.

Trị giá xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Australia năm 2018 - 2019



(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

Về mặt hàng: Trong 6 tháng đầu năm 2019, thủy sản là mặt hàng đứng đầu trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Australia với trị giá đạt 94,2 triệu USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2018.

2018 như: Hạt điều tăng 8,9%, hàng rau quả tăng 37%, gạo tăng 48,8%.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu của một số mặt hàng khác sang thị trường Australia cũng tăng khá mạnh so với cùng kỳ năm

Trong khi đó, gỗ và sản phẩm gỗ đứng thứ 2 về xuất khẩu sang Australia nhưng so với cùng kỳ năm 2018 kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đã giảm mạnh gần 20%, đạt 67,5 triệu USD. Tương tự, kim ngạch xuất khẩu cà phê và hạt tiêu sang thị trường Australia cũng giảm 15,1% và 32%.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia trong 6 tháng đầu năm 2019

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 6/2019		So với tháng 5/2019 (%)		So với tháng 6/2018 (%)		6 tháng năm 2019		So với 6 tháng 2018 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng trị giá		47.630		10,8		-5,6		261.322		-1,3
Hàng thủy sản		17.982		8,5		27,2		94.203		8,4
Gỗ và sản phẩm gỗ		11.841		10,7		-32,4		67.500		-19,9
Hạt điều	1.299	8.740	2,3	-7,5	4,3	-22,4	7.146	54.202	35,4	8,9
Hàng rau quả		3.103		-9,2		21,1		19.108		37,0
Cà phê	2.508	4.480	97,9	119,7	36,0	25,4	10.257	18.321	-7,0	-15,1
Gạo	1.606	988	49,0	49,0	20,4	9,1	6.978	4.470	55,8	48,8
Hạt tiêu	162	495	217,6	248,7	20,0	-0,9	987	3.518	-13,4	-32,0

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Xuất khẩu rau quả sang Australia:

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Australia đang tăng trưởng khả quan, một số loại hoa quả nhiệt đới như: Vải, nhãn, sầu riêng, xoài, thanh long (sản phẩm xoài xanh Sơn La và thanh long ruột đỏ Vĩnh Phúc)... có thể được coi là các mặt hàng chiến lược mà các doanh nghiệp Việt Nam có thể thâm nhập được bởi đây là các loại quả đặc trưng chỉ một số nước có thể trồng được với chất lượng cao như Việt Nam. Mặt khác, một bộ phận người Việt Nam và người dân châu Á ở Australia cũng có nhu cầu đối với các sản phẩm này. Trong khi đó, người dân Australia cũng ngày càng muốn thử nghiệm nhiều loại hoa quả mới,

đặc biệt là các hoa quả trái mùa. Do đó đây là các mặt hàng tiềm năng mà doanh nghiệp Việt Nam có thể khai thác ở Australia.



Một số mặt hàng rau quả của Việt Nam xuất khẩu sang Australia trong 5 tháng đầu năm 2019

Tên hàng	5 tháng năm 2019 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2018 (%)	Tỷ trọng 5T/2019 (%)	Tỷ trọng 5T/2018 (%)
Macadamia	2.616	9,7	14,8	18,4
Xoài	2.054	3,5	11,6	15,3
Hạnh nhân	1.872	197,6	10,6	4,9
Dừa	1.673	146,7	9,5	5,2
Óc chó	1.580	2.943,2	8,9	0,4
Cúc	1.190	16,3	6,7	7,9
Chanh leo	964	38,1	5,5	5,4
Thanh long	921	17,4	5,2	6,1
Chuối	556	-7,9	3,1	4,7
Khoai môn	347	68,0	2,0	1,6

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Xuất khẩu thủy sản sang Australia:

Trong 5 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia đều tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, trị giá xuất khẩu cá tra, basa sang thị trường này tăng 15,8%, cá đông lạnh tăng 22%, đặc biệt cá ngừ tăng tới 104,9%, mắm tăng 482,9%...

Ở chiều ngược lại, trị giá xuất khẩu tôm – mặt hàng đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia giảm 5,7% so với 5 tháng năm 2018, đạt 42,73 triệu USD.



Một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang Australia trong 5 tháng đầu năm 2019

Tên hàng	5 tháng đầu năm 2019			So với 5 tháng năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Tôm các loại	4.410	42.727	9.689	-1,4	-5,7	-4,4
Cá tra, basa	5.662	18.260	3.225	9,9	15,8	5,4
Cá đông lạnh	1.195	8.713	7.293	18,6	22,0	2,8
Cá ngừ các loại	307	1.353	4.409	312,1	104,9	-50,3
Cá đông hộp	399	1.207	3.028	-51,3	27,3	161,5
Bạch tuộc các loại	153	964	6.315	26,8	48,3	16,9
Mực các loại	124	768	6.192	-27,0	-11,3	21,5
Surimi	126	517	4.092	31,0	45,7	11,2
Mắm	114	256	2.233	871,6	482,9	-40,0
Nghêu các loại	118	248	2.105	32,0	29,9	-1,5

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Triển vọng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang Australia:

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), năm 2018 Australia đã nhập khẩu 13,2 tỷ USD thực phẩm từ thế giới,

tăng 2,9% so với năm 2017. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 8 về cung cấp thực phẩm cho Australia với kim ngạch đạt 458,8 triệu USD, tăng so với con số 440,35 triệu USD của năm 2017.

Nhập khẩu thực phẩm của Australia từ năm 2016 – 2018 (ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2018 so với 2017 (%)	Tỷ trọng 2018 (%)	Tỷ trọng 2017 (%)
Thế giới	12.206.055	12.878.106	13.246.561	2,9	100,0	100,0
New Zealand	2.214.093	2.413.643	2.418.797	0,2	18,7	18,3
Mỹ	1.233.707	1.360.455	1.386.135	1,9	10,6	10,5
Trung Quốc	895.211	919.660	960.976	4,5	7,1	7,3
Thái Lan	742.269	767.746	821.600	7,0	6,0	6,2
Italia	537.780	586.555	636.660	8,5	4,6	4,8
Pháp	430.475	481.621	538.407	11,8	3,7	4,1
Anh	404.559	424.620	473.227	11,4	3,3	3,6
Việt Nam	422.177	440.350	458.832	4,2	3,4	3,5
Hà Lan	342.189	423.014	458.350	8,4	3,3	3,5
Malaysia	452.894	473.364	445.461	-5,9	3,7	3,4
Thị trường khác	4.530.700	4.587.079	4.648.116	1,3	35,6	35,1

(Nguồn: Báo cáo của USDA)

Mặc dù hội tụ đủ 2 yếu tố quan trọng là thị trường tiềm năng, dung lượng lớn, và có FTA từ sớm, song hiện nay xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Nguyên nhân là do những sản phẩm xuất khẩu truyền thống của Việt Nam lại không phải là sản phẩm Australia có nhu cầu nhập khẩu cao. Ngoài 3 nhóm sản phẩm gồm máy móc điện thoại, trang thiết bị cơ khí và dụng cụ quang học Australia có kim ngạch nhập khẩu lớn từ thế giới, nước này nhập khẩu ở mức trung bình các sản phẩm



có thể mạnh còn lại của Việt Nam như giày dép, quần áo và đồ gỗ nội thất. Australia nhập khẩu rất ít các sản phẩm thủy hải sản, hoa quả và chè, cà phê của Việt Nam.

Lý do thứ hai khiến hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Australia hạn chế đó là các doanh nghiệp Việt Nam chưa đáp ứng tốt được yêu cầu về kiểm dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm của Australia. Mặt khác, Australia không chỉ có đối tác FTA, mà còn có hệ thống ưu đãi thuế quan cho các quốc gia kém phát triển, điều này khiến áp lực cạnh tranh tại thị trường này là rất lớn.

Tuy nhiên, sau gần 10 năm có FTA ASEAN – Australia/ New Zealand (AANZFTA), Việt Nam đang đứng trước một cơ hội khác để khai thác mạnh hơn thị trường Australia, đó là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực từ đầu năm 2019. Để các cơ hội từ CPTPP không bị bỏ lỡ, các nhà xuất khẩu của Việt Nam cần chủ động giải quyết các vấn đề còn tồn tại và nâng cao năng lực cạnh tranh để đẩy mạnh hơn nữa xuất khẩu sang thị trường Australia.

Theo đánh giá, thuế quan không phải rào cản lớn nhất đối với hàng hóa của Việt Nam tại thị trường Australia mà là các rào cản phi thuế quan như các yêu cầu về biện

pháp an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật; các biện pháp phòng vệ thương mại... Đây là một trong những thị trường có quy định về kiểm dịch và vệ sinh an toàn sản phẩm nghiêm ngặt nhất thế giới.

Do đó, muốn thâm nhập được thị trường Australia, các doanh nghiệp Việt Nam phải hướng đến một nền sản xuất sạch hơn và chất lượng sản phẩm luôn là vấn đề đặt lên hàng đầu.

Về xu hướng tiêu dùng, trong thời gian gần đây người dân Australia đặc biệt quan tâm tới các sản phẩm hữu cơ, do đó để tăng xuất khẩu vào thị trường này các doanh nghiệp Việt Nam cần thay đổi sản xuất theo xu hướng của thị trường.

Theo báo cáo của Thị trường thực phẩm hữu cơ Australia (AOM), nhu cầu đối với thực phẩm hữu cơ ở nước này đã tăng trưởng gần 90% trong 7 năm trở lại đây.

Sự tăng trưởng nhu cầu thực phẩm hữu cơ ở Australia diễn ra trong bối cảnh khách hàng ngày càng quan tâm đến sức khỏe. Những sản phẩm hữu cơ được tiêu thụ nhiều nhất tại Australia là trái cây, rau củ, các loại hạt, trứng, thịt và sữa chiếm doanh số bán lớn nhất với 75%. Trái cây và rau củ thường là 2 sản phẩm được khách hàng chọn mua khi họ bắt đầu hướng đến chế độ ăn hữu cơ.



XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG TÂY BAN NHA – CƠ HỘI TỪ EVFTA



Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Tây Ban Nha trong 6 tháng đầu năm 2019 đạt 192,44 triệu USD, giảm 6,8% so với cùng kỳ năm 2018.

Sự sụt giảm này chủ yếu là do giá xuất khẩu cà phê – mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Tây Ban Nha giảm nên xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam sang thị trường Tây Ban Nha dù tăng 0,8% về lượng nhưng lại giảm tới 12,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018, đạt 67,9 nghìn tấn, trị giá 107,93 triệu USD.

Ngoài ra, trị giá xuất khẩu cao su, hạt tiêu, gạo của Việt Nam sang thị trường Tây Ban Nha cũng giảm lần lượt là 32,7%, 27,3% và 48,9% so với cùng kỳ năm 2018.

Tuy nhiên, xuất khẩu một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản khác lại ghi nhận sự tăng trưởng tích cực như: Hàng thủy sản tăng 4,5%, hạt điều tăng 19%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 6,2%.

Ngày 30/6/2019, Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam – EU (EVFTA và IPA) chính thức được ký kết tại Hà Nội sau 9 năm đàm phán.

Hà Nội sau 9 năm đàm phán.

Theo đó, gần 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn 7 năm ngay kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, mở ra cơ hội xuất khẩu cho những mặt hàng Việt Nam có lợi thế như dệt may, da giày, nông, thủy sản (kể cả gạo, đường, mật ong, rau quả), đồ gỗ... xuất khẩu vào thị trường EU nói chung và Tây Ban Nha nói riêng.

Cho đến nay, đây là mức cam kết cao nhất mà một đối tác dành cho Việt Nam trong số các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Tây Ban Nha trong 6 tháng đầu năm 2019 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	6 tháng năm 2019		So với 6 tháng năm 2018 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng trị giá		192.440		-6,8
Cà phê	67.895	107.929	0,8	-12,8
Hàng thủy sản		35.655		4,5
Hạt điều	2.797	21.519	54,7	19,0
Gỗ và sản phẩm gỗ		17.766		6,2
Cao su	4.357	5.514	-22,1	-32,7
Hạt tiêu	1.326	3.931	-13,0	-27,3
Gạo	270	126	-43,0	-48,9

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

- Gỗ và sản phẩm gỗ:

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Tây Ban Nha tăng trưởng liên tục trong thời gian gần đây. So với tổng kim ngạch nhập khẩu đồ gỗ từ thế giới của Tây Ban Nha thì đồ gỗ của Việt Nam chiếm thị phần khoảng 4%. Tuy nhiên riêng nhóm hàng có mã HS 940169- ghế có khung bằng gỗ loại khác, xuất khẩu của Việt Nam chiếm tỷ trọng khá cao khoảng 25-30%.

Việc Hiệp định EVFTA đã được ký kết và Hiệp định VPA/FLEGT có hiệu lực từ ngày 1/6/2019, với việc thực thi Hiệp định VPA và việc bắt đầu cấp phép FLEGT, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có quyền tiếp cận trực tiếp vào thị trường EU mà không phải trải qua một quá trình kiểm tra tính hợp pháp rườm rà. Đây sẽ được xem là lợi

thế cạnh tranh của Việt Nam với các nước không có một hiệp định VPA đầy đủ và là cơ hội để ngành gỗ Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang EU nói chung và Tây Ban Nha nói riêng.



- Cà phê:

Cà phê luôn là mặt hàng quan trọng nhất trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang Tây Ban Nha.

Theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), Việt Nam đang là nước xuất khẩu cà phê lớn nhất vào Tây Ban Nha trong 4 tháng đầu năm 2019, chiếm gần 45% tổng nhập khẩu cà phê của nước này, lớn hơn nhiều so với những nhà cung cấp khác như Braxin (khoảng 15%) hay Colombia (khoảng 5,7%).

Một số nguồn cung cà phê (mã HS: 0901) cho Tây Ban Nha trong 4 tháng đầu năm 2019

Thị trường	4 tháng năm 2019 (tấn)	4 tháng năm 2018 (tấn)	4T/2019 so với 4T/2018 (%)	Tỷ trọng 4T/2019 (%)	Tỷ trọng 4T/2018 (%)
Tổng nhập khẩu	118.150	106.047	11,4	100,0	100,0
Việt Nam	52.730	48.142	9,5	44,6	45,4
Braxin	17.556	16.152	8,7	14,9	15,2
Đức	12.097	8.084	49,6	10,2	7,6
Colombia	6.750	6.794	-0,7	5,7	6,4
Pháp	3.602	3.061	17,7	3,0	2,9

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC)

- Thủy sản:

Thủy sản cũng là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam sang Tây Ban Nha trong những năm gần đây. Việc EVFTA đã được ký kết sẽ tác động tích cực tới hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Tây Ban Nha trong thời gian tới.

Thủy sản được đánh giá là ngành được

hưởng lợi nhiều từ EVFTA bởi trước đó đang chịu mức thuế cơ sở khá cao (6 -22%), nhưng ngay khi Hiệp định có hiệu lực, 50% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ ngay và sau 7 năm sẽ xóa bỏ hoàn toàn các dòng thuế (trừ cá ngừ đóng hộp và cá viên sử dụng hạn ngạch thuế quan). Đây sẽ là yếu tố quan trọng để các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang EU nói chung và Tây Ban Nha nói riêng.

Một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang Tây Ban Nha trong 5 tháng đầu năm 2019

Tên hàng	5 tháng năm 2019			So với 5 tháng năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Cá tra, basa	3.295	9.102	2.763	34,7	40,0	4,0
Cá ngừ các loại	1.797	7.423	4.130	48,8	35,8	-8,7
Nghêu các loại	4.354	6.988	1.605	5,7	11,5	5,5
Bạch tuộc các loại	618	2.809	4.547	12,9	31,5	16,5
Tôm các loại	209	1.673	8.011	-43,1	-52,9	-17,1
Cá đông lạnh	267	1.131	4.240	8,5	72,3	58,8
Mực các loại	271	854	3.157	1,6	-13,6	-14,9
Surimi	149	380	2.550	75,3	171,2	54,7
Thủy sản khác	21	146	7.089	-6,4	-4,9	1,6

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)



ĐIỆN BIÊN XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU CHO SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

Việc xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết. Tỉnh đã có nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất xây dựng chỉ dẫn địa lý, xây dựng dự án mở rộng liên kết sản xuất và quảng bá; hướng dẫn cấp chứng nhận giấy an toàn thực phẩm... Để phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Điện Biên, thời gian tới ngành nông nghiệp tỉnh cần tiếp tục quan tâm đến cải tiến chất lượng, áp dụng các quy trình, tiêu chuẩn để sản xuất sản phẩm. Đồng thời, tăng cường công tác quảng bá,

Với đặc thù là tỉnh miền núi biên giới có địa hình, khí hậu đa dạng, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, nhận thức của đồng bào dân tộc nơi đây chưa đồng đều, nên từ nhiều năm nay Điện Biên xác định phải phát triển ngành nông- lâm nghiệp một cách hiệu quả. Điềm xuất phát là tận dụng lợi thế của từng xã, huyện quy hoạch vùng sản xuất tập trung, lựa chọn sản phẩm có lợi thế cạnh tranh nhất. Đặc biệt là tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm; gắn kết chặt chẽ với công nghiệp bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp sạch. Nhờ đó, vùng đất với địa danh Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ từng bước chuyển mình, đã và đang tạo ra những sản phẩm hàng hóa có chỗ đứng vững chắc trên thị trường trong nước.

Điện Biên là tỉnh có thế mạnh về nông nghiệp với nhiều sản phẩm đặc trưng, như: Cà phê Mường Ảng, chè Tủa Chùa, gạo tám Điện Biên... Hiện Điện Biên đã có 11 sản phẩm, nhóm sản phẩm được chứng nhận đạt các tiêu chuẩn về chất lượng và có giá trị kinh tế cao theo chuỗi, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần nâng cao chất lượng nông sản mang thương hiệu Điện Biên.

giới thiệu sản phẩm, kết nối với các doanh nghiệp, đầu mối phân phối của các địa phương khác để đưa sản phẩm địa phương phát triển rộng rãi ngoài thị trường; xây dựng các mã truy xuất nguồn gốc để khẳng định nguồn gốc, chất lượng của sản phẩm. Hướng dẫn người dân ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, tạo sản phẩm an toàn, xây dựng thương hiệu sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP, nhằm tạo ra năng suất cao, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Là tỉnh có địa hình, khí hậu đa dạng, Điện Biên xác định, để tái cơ cấu ngành nông nghiệp hiệu quả, phải bắt đầu từ việc xác định lợi thế của từng địa phương, quy hoạch vùng sản xuất tập trung, lựa chọn sản phẩm lợi thế, ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phát triển theo chuỗi giá trị gắn với thị trường; có chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp tại chỗ, doanh nghiệp ngoài địa bàn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, khu vực nông thôn.

Hiện nay, tỉnh Điện Biên đã có nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà đầu tư... tham gia phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch theo chuỗi, như: Doanh nghiệp thương mại tư nhân Hoa Ban, sản xuất rau thủy canh

hồi lưu trong nhà lưới công nghệ; Công ty cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Điện Biên trồng rau theo tiêu chuẩn VietGAP trong nhà lưới; Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Thanh Yên, Công ty TNHH thực phẩm nông sản sinh thái Điện Biên, Công ty TNHH thực phẩm Safe Green liên kết thực hiện dự án cánh đồng lớn gắn với tiêu thụ lúa IR64, Bắc thơm số 7...

Phát triển cây trồng thế mạnh theo vùng:

Sau 4 năm triển khai đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng bền vững ở tỉnh Điện Biên bước đầu đem lại hiệu quả. Một số vùng chuyên canh nông, lâm nghiệp dần hình thành rõ, khẳng định giá trị, chỗ đứng trên thị trường. Hiện toàn tỉnh Điện Biên đã có 11 sản phẩm, nhóm sản phẩm được chứng nhận đạt các tiêu chuẩn về chất lượng và có giá trị cao, là: Chè san tuyết Tủa Chùa, sản phẩm gạo Điện Biên, dứa Mường Chà, cà phê Mường Ảng... được chứng nhận theo chuỗi, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần nâng cao chất lượng nông sản mang thương hiệu Điện Biên.

Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên được thiên nhiên ưu đãi về đất đai, khí hậu, thích hợp cho việc phát triển cây công nghiệp, đặc biệt là cà phê. Chất lượng của cà phê Mường Ảng được các chuyên gia đánh giá cao, có hương vị đặc trưng riêng. Do vậy, việc xây dựng thương hiệu cà phê Mường Ảng đã và đang được các cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân Mường Ảng nỗ lực thực hiện. Hiện toàn huyện đã phát triển được gần 4.000 ha. Huyện Mường Ảng phấn đấu đến năm 2020 có diện tích cà phê khoảng 4.200 ha, sản lượng bình quân 13.500 tấn cà phê trâu/năm. Những năm qua, cây cà phê đã góp phần làm thay đổi diện mạo mới cho toàn huyện, đưa Mường Ảng trở thành thủ phủ cà phê của tỉnh Điện Biên, giúp người dân xóa đói, giảm nghèo.

Đặc biệt, những năm gần đây Điện Biên được coi là thủ phủ của cây mắc ca. Đây là cây trồng cho giá trị kinh tế cao và được đánh giá phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai của địa phương. Trước nhu cầu phát triển trồng cây mắc ca của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tương đối lớn, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng Đề án phát triển cây mắc ca đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 gắn với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, làm cơ sở cho việc quản lý, chỉ đạo và kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển, áp dụng cơ chế chính sách hỗ trợ, từ đó đảm bảo đưa cây mắc ca trở thành cây trồng nông nghiệp chủ lực của tỉnh gắn với phát triển thành hàng hóa. Đề án phát triển mắc ca của tỉnh sẽ chủ yếu tập trung thực hiện trên địa bàn 4 huyện: Mường Nhé, Nậm Pồ, Điện Biên, Tuần Giáo với quy mô trồng khoảng 26.000 ha với diện tích quy hoạch khoảng 35.000 ha.

Phát triển thương hiệu gạo Điện Biên:

Hiện nay, gạo Điện Biên được sản xuất tại cánh đồng Mường Thanh, với diện tích khoảng 4.300 ha. Mặc dù diện tích lớn, song người nông dân đa phần vẫn sản xuất nhỏ lẻ. Những năm gần đây, ngành nông nghiệp Điện Biên luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm là phải xây dựng thương hiệu gạo Điện Biên một cách bền vững nhằm nâng cao giá trị hạt gạo. Ngoài nâng cao kiến thức trong sản xuất cho người nông dân, tỉnh Điện Biên cũng đang tập trung hướng mạnh tới các hoạt động thanh, kiểm tra các cơ sở xay xát, chế biến gạo, từ đó để đảm bảo hạt gạo chất lượng đến tay người tiêu dùng.

Sản xuất theo chuỗi an toàn cũng được địa phương triển khai, tăng cường sự liên kết trong sản xuất theo hình thức cánh đồng lớn. Hướng đi này nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã cùng tham gia sản xuất và cung ứng sản phẩm có chất lượng cao. Để đảm bảo thương hiệu gạo Điện Biên, ngoài việc siết chặt quá trình sản xuất chất lượng, các chuỗi liên kết, còn sử dụng các mã code để người tiêu dùng có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm...

HÀNH TÍM VĨNH CHÂU ĐƯỢC CẤP CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Cục Sở hữu trí tuệ vừa ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm hành tím Vĩnh Châu thuộc thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Hành tím Vĩnh Châu có màu sắc đẹp với màu tím hoặc đỏ nhạt; có vỏ củ mượt, độ giòn lớn, mùi cay nồng nhưng không hắc; có thể tồn trữ trong một khoảng thời gian dài mà không cần chất bảo quản nhưng chất lượng vẫn được đảm bảo.

Những tính chất, chất lượng đặc thù của hành tím Vĩnh Châu có được là do điều kiện tự nhiên của khu vực địa lý phù hợp

với sự phát triển của cây hành tím. Việc được cấp chứng nhận chỉ dẫn địa lý giúp quảng bá thương hiệu hành tím Vĩnh Châu ra thị trường cũng như nâng cao giá trị hành tím của tỉnh. Hiện diện tích trồng hành tím của Sóc Trăng là 6.500 ha.



DOANH THU TỪ VẢI THIỀU LỤC NGẠN NĂM 2019 CAO KỶ LỤC



Với doanh thu hơn 3.000 tỉ đồng, niên vụ vải thiều năm 2019 của huyện Lục Ngạn (Bắc Giang) phá vỡ mốc kỷ lục của nhiều năm trước đây. Sản lượng vải ổn định hơn 90.000 tấn; giá cao kỷ lục từ 30.000 – 55.000 đồng/kg, có lúc lên đến 80.000 đồng/kg, người trồng vải thiều ở huyện Lục Ngạn nói riêng, tỉnh Bắc Giang nói chung đón nhận một năm “được mùa được giá”.

Chất lượng vải thiều năm nay được các cơ quan chuyên môn cũng như người dân đánh giá là năm có chất lượng tốt nhất, với giá bán ổn định ở mức cao. So với năm 2018, sản lượng vải thiều mặc dù thấp hơn, nhưng so với trung bình nhiều năm, vụ vải 2019 vẫn là năm được mùa với giá cao.

Đây cũng là năm đầu tiên huyện thí điểm gần 20 ha vải thiều sản xuất theo phương pháp hữu cơ, tạo ra sản phẩm sạch an toàn. Việc áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến đã giúp trái vải Lục Ngạn có giá bán cao gấp từ 3 đến 7 lần những năm trước.

Theo Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang, đến nay khoảng 50.000 tấn vải thiều Lục Ngạn đã được thông quan qua Trung Quốc, doanh thu toàn vụ vải năm nay ước đạt hơn 3.000 tỉ đồng, tăng 50% giá trị so với năm ngoái. Vải thiều Lục Ngạn đã được xuất khẩu đi 30 quốc gia, chủ yếu sang Trung Quốc qua đường chính ngạch, chiếm 90% tổng lượng xuất khẩu và một số thị trường đòi hỏi khắt khe về chất lượng như: Liên minh Châu Âu, Nga, Mỹ, Canada, Nhật Bản...

Thành công của niên vụ vải thiều năm 2019 ở tỉnh Bắc Giang phải kể đến nỗ lực và sự chủ động của chính quyền địa phương trong công tác xúc tiến thương mại cũng như sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành, sự đồng lòng của các địa phương trong hỗ trợ tiêu thụ vải cho nông dân. Góp phần vào kết quả này còn có sự chủ động của nông dân trong tiếp cận phương thức sản xuất nông sản an toàn và mối liên kết chặt chẽ của doanh nghiệp trong xây dựng chuỗi giá trị vải thiều.

SƠN LA: 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019 XUẤT KHẨU NÔNG SẢN ĐẠT TRÊN 78 TRIỆU USD



Vừa qua, tại Trung tâm hội nghị tỉnh Sơn La, Tỉnh ủy Sơn La đã tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả phát triển cây ăn quả, hợp tác xã, tiêu thụ các loại quả và xuất khẩu nông sản 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, tiêu thụ nông sản của tỉnh Sơn La đạt kết quả tốt trên cả 3 thị trường (trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu); giá trị nông sản xuất khẩu ước đạt trên 78 triệu USD.

Xác định xuất khẩu nông sản là khâu đột phá trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, ngay từ đầu năm 2019, tỉnh Sơn La tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để phát triển lực lượng sản xuất; chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa, nâng cao hiệu quả trên 1 đơn vị diện tích đất canh tác.

Phát triển hợp tác xã nhằm hoàn thiện quan hệ sản xuất theo chuỗi giá trị, bởi hợp tác xã đóng vai trò là cầu nối giữa người nông dân và doanh nghiệp, hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm.

Đến nay, toàn tỉnh đã được cấp 68 mã số vùng trồng cây ăn quả (nhãn, xoài, thanh long) với tổng diện tích đã được cấp mã 3.290 ha, sản lượng trái cây đạt 47.390 tấn. Tỉnh Sơn La hiện có 18 sản phẩm nông sản, thực phẩm được xây dựng thương hiệu.

Trong 6 tháng cuối năm 2019, tỉnh Sơn La tiếp tục xây dựng thương hiệu 6 loại quả bao gồm: Chanh leo Sơn La; xoài Sơn La; Bơ Sơn La; Nhãn Sơn La; Mận Sơn La.

Bên cạnh việc đẩy mạnh phát triển cây ăn quả, triển khai ứng dụng công nghệ cao và quy trình sản xuất an toàn, tỉnh Sơn La cũng chú trọng phát triển các hợp tác xã. Tính đến ngày 30/6/2019, toàn tỉnh có 588 hợp tác xã, tăng 33 hợp tác xã so với cùng kỳ năm 2018; tăng 4,38 lần so với năm 2015.

Năm 2019, tỉnh Sơn La phấn đấu xuất khẩu nông sản đạt trên 56.000 tấn, giá trị xuất khẩu nông sản dự kiến đạt trên 70 triệu USD, góp phần hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch xuất khẩu hàng hóa năm 2019 đạt trên 150 triệu USD.

**MỜI THAM DỰ ĐOÀN GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI
TẠI SINGAPORE VÀ MALAYSIA**

Nhằm hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương của Việt Nam tăng cường xúc tiến thương mại và đầu tư với 2 thị trường quan trọng trong ASEAN của Việt Nam là Singapore và Malaysia, Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp với Thương vụ Việt Nam tại Singapore, Thương vụ Việt Nam tại Malaysia và các cơ quan liên quan tổ chức “Đoàn xúc tiến thương mại và đầu tư tại Singapore và Malaysia”, cụ thể như sau:

Mục tiêu: Thực thi cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Chính phủ, góp phần thúc đẩy kim ngạch thương mại song phương và tăng cường thu hút đầu tư với các thị trường Singapore và Malaysia. Quảng bá thương hiệu, năng lực, sản phẩm, dịch vụ, các dự án thu hút đầu tư... của các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương của Việt Nam, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương của Việt Nam nghiên cứu thị trường, tìm kiếm cơ hội kinh doanh và đầu tư với các thị trường Singapore và Malaysia.

Quy mô: Khoảng 20 tổ chức, doanh nghiệp và địa phương của Việt Nam.

Thời gian dự kiến: Từ ngày 07 đến ngày 12 tháng 10 năm 2019 (Chương trình dự kiến chi tiết gửi kèm).

Địa điểm: Tại Singapore và Malaysia.

Ngành hàng: Nông sản, thủy sản, thực phẩm chế biến, đồ uống, thức ăn chăn nuôi, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may, giày dép, cao su, thủy tinh, đồ gỗ, dây cáp điện, sắt thép, đồ chơi, chất dẻo...

Đối tượng tham gia: Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các tổ chức hỗ trợ kinh doanh và đầu tư, khu công nghiệp, khu chế xuất, đại diện các địa phương (lãnh đạo địa phương, các Sở, ban, ngành... liên quan).

Chi phí tham dự các Hội thảo và gặp gỡ đối tác, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Singapore và Malaysia do Ban tổ chức tài trợ. Các chi phí khác (ăn, ở, đi lại...) sẽ do đơn vị cử đại diện chịu trách nhiệm.

Khi tham gia chương trình các đơn vị, doanh nghiệp cần: Hoàn thành hồ sơ đăng ký tham gia chương trình và thực hiện nghiêm chỉnh nội quy và quy định của Ban tổ chức Đoàn.

Hồ sơ gồm: (1) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, quyết định thành lập đối với cơ quan/tổ chức (sao y bản chính, đóng dấu đơn vị). (2) Đơn đăng ký tham gia Đoàn (mẫu 1 đính kèm). (3) Bản đăng ký danh sách nhân sự tham gia Đoàn (mẫu 2 đính kèm). Tổ chức, Doanh nghiệp, Địa phương khi đăng ký tham gia, gửi thêm 01 bản mềm Hồ sơ tham dự về địa chỉ ghi dưới.

Thời hạn đăng ký tham gia: Thứ Tư, ngày 31 tháng 7 năm 2019.

Hồ sơ đăng ký tham gia Đoàn đề nghị gửi về: Cục Xúc tiến thương mại, Tầng 7, 20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 39364792 (máy lẻ 105 hoặc 107); Fax: 024. 39369493

Email: vunt@viettrade.gov.vn/ vunt226@gmail.com

hoặc ketnoigiaothuong@gmail.com

Liên hệ: Anh Nguyễn Tuấn Vũ (ĐT:0936582237)- Cục Xúc tiến thương mại

HIỆP HỘI CHĂN NUÔI ĐỒNG NAI KIẾN NGHỊ GIÃN NỢ CHO HỘ CHĂN NUÔI LỢN

Ngày 4/7/2019, Hiệp hội chăn nuôi Đồng Nai đã có công văn gửi tới Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đề nghị hỗ trợ sau dịch tả lợn châu Phi.

Theo công văn, trước khi dịch tả lợn Châu Phi bùng phát người chăn nuôi đã quá khó khăn do bão giá đầu năm 2018. Hầu hết trang trại chăn nuôi, hộ chăn nuôi còn nợ ngân hàng hoặc người thân.

Khi giá lợn lên chưa kịp phục hồi thì các hộ chăn nuôi lợn bị phát dịch bệnh gây thiệt hại to lớn.

Các trang trại chăn nuôi mắc dịch tả lợn châu Phi trên cả nước nói chung và tại Đồng Nai nói riêng, nhiều khoản nợ chưa thanh toán, kinh tế nhiều gia đình lao đao, nguồn thu nhập giảm đáng kể, khó khăn chồng chất.

Do đó, Hiệp hội chăn nuôi Đồng Nai đề nghị Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước sớm có chính sách khoanh nợ, giãn nợ, giảm lãi suất cho vay đối với những trang trại và

hộ chăn nuôi đã bị dịch, hộ nuôi chưa bị ảnh hưởng dịch nhưng bị giá bán quá thấp.

Hiệp hội Chăn nuôi Đồng Nai cũng đề xuất áp dụng chính sách khoanh nợ, giãn nợ, giảm lãi suất cho những trang trại có đàn lợn nuôi nhưng chưa đến tuổi xuất bán để người nuôi tiếp tục sản xuất cung ứng cho thị trường trong thời gian tới.

Theo Sở NN&PTNT Đồng Nai, bệnh dịch tả lợn châu Phi đã xâm nhập vào địa bàn Đồng Nai, ca bệnh đầu tiên xuất hiện ngày 17/4/2019. Tính đến ngày 20/6/2019, dịch bệnh đã xảy tại 126 hộ/trang trại chăn nuôi lợn thuộc 34 ấp (khu phố) trên 22 xã của 6 huyện gồm Trảng Bom, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Long Thành, Thống Nhất và Tân Phú, tiêu hủy 21.261 con.

Thời gian tới, Sở tiếp tục chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi thú y phối hợp chính quyền địa phương tổ chức hướng dẫn, giám sát chặt chẽ việc tiêu hủy heo bệnh, chết theo quy định, hướng dẫn công tác tiêu độc sát trùng và các biện pháp an toàn sinh học khác.

KHOÀI CÔNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỮU CƠ ĐẦU TIÊN TẠI QUẢNG TRỊ

Ngày 5/7/2019, Công ty TNHH Đại Nam Ong Biễn Quảng Trị tổ chức lễ khởi công dự án Nhà máy chế biến nông sản hữu cơ Quảng Trị tại xã Hải Trường, huyện Hải Lăng.

Dự án có mục tiêu xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến sản phẩm từ nông sản hữu cơ; Thu mua và chế biến cà phê hữu cơ, rượu hữu cơ, phân bón hữu cơ và dịch vụ du lịch sinh thái.

Quy mô dự án gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 xây dựng nhà máy xay xát lúa gạo, nhà máy chế biến cà phê với công suất thiết kế 12 - 14 tấn gạo/giờ, 0,5 tấn cà phê/giờ

(hoàn thành tháng 10/2019); giai đoạn 2 xây dựng Nhà máy sản xuất rượu và sản xuất phân bón hữu cơ từ phụ phẩm nông nghiệp, công suất thiết kế 50.000 lít rượu/năm, 30.000 tấn phân bón/năm (hoàn thành tháng 12/2019); giai đoạn 3 xây dựng khu du lịch sinh thái với công suất hơn 50.000 lượt khách du lịch/năm (hoàn thành tháng 10/2020).

Địa điểm thực hiện dự án tại xã Hải Trường, huyện Hải Lăng, Quảng Trị. Diện tích dự kiến thực hiện dự án 50 ha, tổng vốn đầu tư dự án 100 tỷ đồng. Thời gian hoạt động 50 năm.

TIỀM NĂNG XUẤT KHẨU HÀNG RAU, CỦ, QUẢ VÀO TRUNG QUỐC VẪN RẤT LỚN



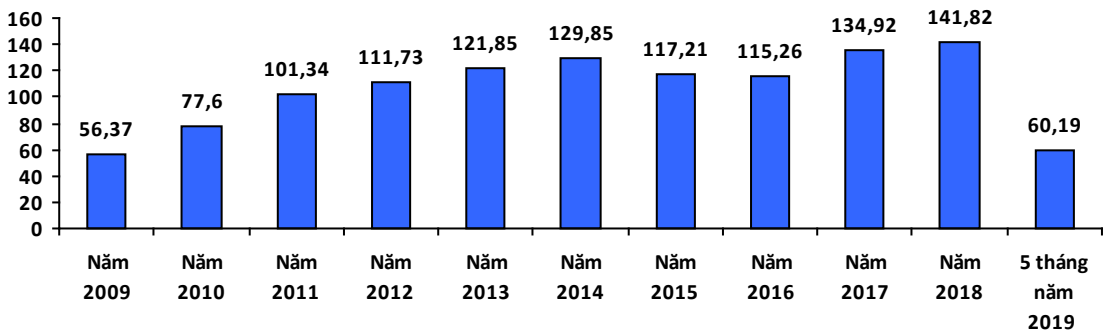
Với tốc độ tăng nhanh về dân số cũng như quá trình đô thị hóa nhanh chóng tại Trung Quốc đã khiến nhập khẩu thực phẩm vào Trung Quốc tăng mạnh trong những năm gần đây,

đặc biệt trong năm 2018. Theo thống kê từ Trung tâm thương mại thế giới (Intracen), nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Trung Quốc năm 2018 đạt 141,1 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2017 và tăng gấp 2,5 lần so với cách đây 10 năm.

Tính riêng 5 tháng đầu năm 2019, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Trung Quốc đạt 60,19 tỷ USD, tăng 0,1% so với cùng kỳ năm 2018.

Mặc dù Trung Quốc có những chính sách đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, tuy vậy, sản xuất thực phẩm trong nước mới chỉ đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu, do đó, nước này vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn thực phẩm.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản vào Trung Quốc giai đoạn năm 2009 đến 5 tháng đầu năm 2019 (Đvt: tỷ USD)



Trong cơ cấu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm 2019, Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu hạt và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác (HS 12), chiếm 25% tổng trị giá nhập khẩu, tiếp đến là gỗ và các mặt hàng gỗ nguyên liệu (HS 40) chiếm 15,2%, và mặt hàng Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ (HS 02) chiếm 10,1%, trong đó, nhập khẩu 2 mặt hàng có mã HS 12 và HS 40 đều giảm so với cùng kỳ năm 2018, giảm lần lượt là 12,6% và 10,7%, trái lại, nhập khẩu mặt hàng có mã HS 02 tăng 32,1%.

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Intracen)

Ngoài ra, nhập khẩu một số mặt hàng khác vào Trung Quốc tăng khá mạnh trong 5 tháng đầu năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018, như nhập khẩu cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác tăng 35,6%, đạt 5,97 tỷ USD; nhập khẩu quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa (HS 08) tăng 35,0%, đạt 5,4 tỷ USD; nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác (HS 16) tăng 43,2%, đạt 137,1 nghìn USD...

Các nguồn cung hàng nông, lâm, thủy sản lớn nhất vào Trung Quốc là Braxin chiếm 17,3% thị phần trong 5 tháng đầu năm 2019, EU chiếm 8,9%, Thái Lan chiếm 8,5%, Mỹ chiếm 7,5%, Canada chiếm 7,0%, New Zealand chiếm 6,8%... Việt Nam là nguồn cung hàng nông, lâm, thủy sản lớn thứ 10 tại Trung Quốc, với thị phần là 3,5%. Hiện một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đang có lợi thế tại Trung Quốc như mặt hàng cao su nguyên liệu (HS 4001,4002,4005) chiếm 11,9% thị phần; Các sản phẩm xay xát, malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì (HS 11) chiếm 23,7%; Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây (HS 20) chiếm 7,4%. Hàng rau, củ quả hạch và hạt ăn được (HS 08,07,06,20) là nhóm hàng nông sản của Việt Nam có thị phần lớn nhất tại Trung Quốc, chiếm 26,9% thị phần, mặc dù giảm so với 5 tháng đầu năm 2018 (chiếm 33,1%). Tuy vậy, hàng rau, củ, quả của Việt Nam vẫn còn triển vọng tăng trưởng tại thị trường Trung quốc. Bởi Trung Quốc là một thị trường lớn trên thế giới về tiêu thụ rau quả, đặc biệt là nhu cầu ngày càng cao đối với các loại rau quả cao cấp được sản xuất theo phương pháp hữu cơ. Trong danh mục các quốc gia mà Trung Quốc cho phép xuất

khẩu chính ngạch rau quả vào nước này, thì cả 11 nước trong khối ASEAN đều có tên. Trong đó, Thái Lan có nhiều loại rau quả được cấp phép nhất (22 loại). Việt Nam đến nay mới chỉ có 9 loại trái cây được phép xuất khẩu sang Trung Quốc gồm thanh long, dưa hấu, chuối, vải, nhãn, xoài, mít, chôm chôm và mổi đây là măng cụt. Trái cây Việt Nam có nhiều chủng loại, giá cả hợp lý, ngon và rất được khách hàng Trung Quốc ưa chuộng. Do đó, còn nhiều tiềm năng để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu rau, củ, quả sang thị trường Trung Quốc.

Trong 10 năm tới, dự báo tốc độ tăng trưởng nhu cầu rau quả của Trung Quốc sẽ chững lại, nhưng yêu cầu về chất lượng lại được nâng lên. Giá cả sẽ có mức dao động lớn hơn, các loại quả sẽ phải đáp ứng yêu cầu về phẩm chất ngày càng cao hơn. Thương mại điện tử các mặt hàng tươi sống cũng như ngành logistic hiện đại phát triển nhanh chóng sẽ hỗ trợ cho quá trình tiếp cận với sản xuất, tiêu thụ các loại rau quả nổi tiếng, có chất lượng cao và có giá trị gia tăng cao hơn. Xét về cơ cấu, các loại quả tươi sẽ chiếm vị trí chủ đạo trong lĩnh vực hoa quả nhập khẩu, nhưng nhu cầu nhập khẩu nước ép hoa quả, hoa quả đóng hộp dự kiến cũng sẽ tăng lên.

Một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Trung Quốc 5 tháng đầu năm 2019

Hàng nông, lâm, thủy sản (phân theo mã HS)	Trung Quốc NK từ thế giới (triệu USD)		So sánh (%)	Thị phần của Việt Nam (%)	
	5T/2019	5T/2018		5T/2019	5T/2018
Tổng	60.198	60.119	0,1	3,5	3,9
Hạt và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác (HS 12)	15.541	17.788	-12,6	0,01	0,01
Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi (HS 44)	9.463	10.600	-10,7	5,1	4,4
Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác (HS 03)	5.976	4.407	35,6	4,2	4,2
Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa (HS 08)	5.459	4.043	35,0	8,2	9,3
Cao su nguyên liệu (HS 4001,4002,4005)	4.133	4.697	-12,0	11,9	8,8
Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật (HS 15)	3.573	3.373	5,9	0,1	0,1
Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng gia cầm, mật ong, sản phẩm ăn được gốc động vật (HS 04)	2.788	2.559	8,9	0,0	0,0
Ngũ cốc (HS 10)	2.307	3.232	-28,6	3,6	14,3
Thuốc lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá lá đã chế biến (HS 24)	1.139	1.173	-2,9	0,2	0,5

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

Hàng nông, lâm, thủy sản (phân theo mã HS)	Trung Quốc NK từ thế giới (triệu USD)		So sánh (%)	Thị phần của Việt Nam (%)	
	5T/2019	5T/2018		5T/2019	5T/2018
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được (HS 07)	806	1.060	-24,0	9,7	15,4
Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì (HS 11)	638	527	21,2	23,7	16,5
Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây (HS 20)	554	498	11,4	7,4	5,4
Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác (HS 05)	375	319	17,5	0,6	1,1
Cà phê, chè, và các loại gia vị (HS 09)	358	246	45,6	7,4	27,4
Cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao (HS 18)	280	233	20,1	0,2	0,2
Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác (HS 16)	137	96	43,2	1,7	3,8
Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí (HS 06)	110	115	-4,8	1,6	3,0
Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật khác (HS 14)	70	60	16,2	0,7	0,7

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Intracen)

Một số yếu tố sẽ tác động đến xu hướng tiêu thụ thực phẩm của Trung Quốc thời gian tới:

+ Sự gia tăng dân số và thu nhập thay đổi: Theo dự báo, dân số Trung Quốc sẽ đạt mức 1,44 tỷ dân vào năm 2030, trong đó, tầng lớp trung lưu sẽ đạt khoảng 950 triệu người.

+ Người tiêu dùng Trung Quốc đang thay đổi nơi họ mua sắm, và điều kiện thúc đẩy nhu cầu mua hàng của họ. Người tiêu dùng thành thị trẻ trong độ tuổi từ 20 đến 35 mua sắm tại các cửa hàng bán lẻ thực phẩm hiện đại. Người tiêu dùng Trung Quốc tập trung vào dinh dưỡng, với hơn 82% trong đó sẵn sàng trả nhiều tiền hơn cho thực phẩm mà họ biết là chất lượng cao hơn và bổ dưỡng hơn. Người tiêu dùng Trung Quốc cũng lo ngại về sự an toàn của thực phẩm họ ăn, đặc biệt là gạo trong nước và các loại cây lương thực khác có thể được trồng trong đất nông nghiệp bị ô nhiễm. Họ sẵn sàng trả nhiều tiền hơn cho các thương hiệu quốc tế đáng tin cậy mà họ biết là chất lượng cao và an toàn.

Có thể thấy, Trung Quốc đang chuyển mạnh từ một thị trường tương đối dễ tính sang một thị trường đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng, an toàn thực phẩm. Trong mấy năm gần đây, đã có nhiều thay đổi của nước này trong các quy định đối với trái cây và nông sản nhập khẩu. Xu hướng tiêu dùng của Trung Quốc cũng đang thay đổi mạnh mẽ khi người tiêu dùng quan tâm nhiều hơn tới sức khỏe, sự xuất hiện của lớp người tiêu dùng thuộc thế hệ sau những năm 1990... Do đó, để bắt kịp với những thay đổi về xu hướng tiêu dùng mới ở Trung Quốc, các doanh nghiệp cần chú ý tiếp cận tới những khu vực thị trường hay kênh phân phối khác. Ngoài các giao dịch truyền thống, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh đàm phán để đưa hàng vào các hệ thống siêu thị lớn tại Trung Quốc nhằm đáp ứng tiêu dùng của giới trẻ tại các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải... Ngoài ra, cũng cần tăng cường quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trên các trang mạng thương mại điện tử lớn của Trung Quốc như Alibaba, Taobao...

➤ Nông dân trồng ớt ở ĐBSCL rất phấn khởi vì trúng mùa được giá. Từ giữa tháng 6 đến nay, giá ớt được các thương lái thu mua với mức giá cao. Tùy thời điểm mà giá biến động từ 50.000 - 120.000 đồng/kg, tăng gấp đôi so cùng kỳ năm 2018. Hiện ĐBSCL có khoảng 3.000 ha trồng ớt tập trung nhiều nhất tại các tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long...



với cùng kỳ năm 2018. Giá lương thực thế giới giảm nhẹ trong tháng 6 vừa qua, châm dứt chuỗi tăng giá 5 tháng liên tiếp do giá các sản phẩm bơ sữa giảm mạnh.

➤ Tính đến nay, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã thu hoạch một nửa số đồn điền cao su tại Campuchia. Tập đoàn đã đầu tư vào các trang trại cao su quy mô lớn tại 7 tỉnh của Campuchia và có 8 công ty con hoạt động tại tỉnh Kampong Thom. Năm 2018, Tập đoàn đã thu về 25.400 tấn mủ ở tỉnh Kampong Thom, đồng thời bán 25.766 tấn mủ và tạo ra khoảng 1,7 triệu USD lợi nhuận. Tập đoàn hiện lên kế hoạch xây dựng các cơ sở chế biến tại các tỉnh có trang trại cao su.

➤ Theo báo cáo về triển vọng thị trường thực phẩm toàn cầu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), với nhu cầu nhập khẩu thịt lợn, thịt bò và thịt gà của Trung Quốc cao hơn, giá thịt toàn cầu đã tăng mạnh kể từ tháng 1/2019. Theo đó, thị trường thịt và các sản phẩm từ thịt dự kiến vượt 35 triệu tấn trong năm 2019, tăng 4,8% so với năm 2018. Phần lớn sự gia tăng này đến từ tổng sản lượng nhập khẩu thịt của Trung Quốc, dự kiến sẽ tăng 19 - 20% trong năm 2019.

➤ Năm 2025, Việt Nam sẽ phát triển thêm 150 tổ hợp tác, 75 hợp tác xã và thành lập hai liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp. Theo đó, số lượng thành viên lao động tăng 5%/năm, thu nhập bình quân đầu người mỗi năm tăng từ 5 đến 10%; tỷ lệ HTX từ loại khá, tốt đạt hơn 80%; phần lớn mô hình kinh tế hợp tác ở các xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt loại khá trở lên.

➤ Theo Ban Thư ký về Dịch vụ một cửa về xuất khẩu gạo Campuchia, trong nửa đầu năm 2019, xuất khẩu gạo Campuchia sang EU đã giảm 32% so với cùng kỳ năm ngoái xuống còn 93.503 tấn. Tuy nhiên, xuất khẩu gạo sang Trung Quốc đã tăng 66% so với cùng kỳ năm 2018, lên 118.401 tấn. Do đó, tổng xuất khẩu gạo của Campuchia đã tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 281.538 tấn. Xuất khẩu sang EU đã giảm sau khi EU áp thuế đối với gạo Campuchia, tuy nhiên xuất khẩu gạo của Campuchia sang Trung Quốc và những thị trường khác, đặc biệt là Australia, đang gia tăng

➤ Theo Tổ chức Lương Nông Liên hợp quốc (FAO), chỉ số giá lương thực của FAO (đánh giá thay đổi hàng tháng đối với giỏ ngũ cốc, hạt có dầu, sản phẩm bơ sữa, thịt và đường) tính trung bình là 173,0 điểm trong tháng 6/2019, giảm nhẹ so với mức 173,5 điểm trong tháng 5/2019 nhưng tăng khoảng 1,2% so